

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 72 /2009/QĐ-UBND

Biên Hòa, ngày 05 tháng 10 năm 2009

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định tiêu chí, quy trình đánh giá kết quả thực hiện công vụ  
hàng năm của các Sở, ban ngành và UBND cấp huyện**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 13/2008/NĐ-CP ngày 04/02/2008 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị định số 14/2008/NĐ-CP ngày 04/02/2008 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 949/TTr-SNV ngày 18/6/2009,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này quy định tiêu chí, quy trình đánh giá kết quả thực hiện công vụ hàng năm của các Sở, ban ngành và UBND cấp huyện.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Thường trực UBND tỉnh;
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Trung tâm Công báo;
- Trung tâm Lưu trữ;
- Sở Tư pháp;
- Lưu: SNV, VT, NC, VX.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Võ Văn Một**

## **QUY ĐỊNH**

**Tiêu chí, quy trình đánh giá kết quả thực hiện công vụ hàng năm  
của các Sở, ban ngành và UBND cấp huyện**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 72 /2009/QĐ-UBND  
ngày 05 tháng 10 năm 2009 của UBND tỉnh)*

### **Chương I**

### **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi, đối tượng điều chỉnh**

1. Quy định này quy định nội dung, tiêu chuẩn và quy trình đánh giá, xếp loại kết quả thực hiện công vụ hằng năm của các cơ quan trong tỉnh, bao gồm: Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh (sau đây gọi chung là Sở, ngành), các đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh và UBND các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa (sau đây gọi chung là UBND cấp huyện).

2. Quy định này không áp dụng để đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ hằng năm của các cơ quan thuộc khối Đảng, các tổ chức chính trị xã hội thuộc tỉnh, Văn phòng HĐND và Đoàn Đại biểu Quốc hội, các cơ quan, đơn vị lực lượng vũ trang, các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh, các đơn vị trực thuộc Sở, ngành và UBND cấp huyện.

#### **Điều 2. Mục đích đánh giá, xếp loại**

1. Việc đánh giá đúng kết quả thực hiện nhiệm vụ hằng năm, làm cơ sở đề ra các giải pháp quản lý nhằm nâng cao hiệu quả công tác, kiện toàn tổ chức bộ máy, bố trí sử dụng đội ngũ cán bộ, công chức hợp lý, góp phần thực hiện quyền tự chủ, đồng thời gắn trách nhiệm của Thủ trưởng cơ quan và cán bộ, công chức trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật.

2. Làm cơ sở để bình xét thi đua cho các cơ quan, đơn vị; đánh giá chức trách công vụ của công chức, cơ quan chuyên môn.

#### **Điều 3. Yêu cầu đánh giá**

1. Khi tiến hành đánh giá phải khách quan, khoa học, công khai, công bằng, dân chủ, phản ánh đúng những kết quả đã đạt được trong năm của cơ quan, đồng thời kiểm điểm làm rõ số lượng công việc chưa hoàn thành trong năm của cơ quan và đề ra giải pháp khắc phục trong năm tiếp theo.

2. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ là việc làm thường xuyên hằng năm.

#### **Điều 4. Căn cứ đánh giá**

1. Kết quả thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, kết quả tham mưu cho Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh thuộc lĩnh vực nhiệm vụ được giao hoặc địa phương quản lý.

2. Kết quả thực hiện nhiệm vụ:

- Đối với các Sở, ngành: Căn cứ Quy định tổ chức và hoạt động được UBND tỉnh ban hành; Nghị định số 13/2008/NĐ-CP ngày 04/02/2008 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Thông tư liên tịch giữa Bộ Nội vụ và Bộ, ngành chủ quản hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức các cơ quan chuyên môn giúp UBND quản lý nhà nước tại địa phương.

- Đối với cấp huyện: Căn cứ Quy định tổ chức và hoạt động được UBND cấp huyện ban hành; Nghị định số 14/2008/NĐ-CP ngày 04/02/2008 của Chính phủ quy định về cơ cấu, chức năng các phòng ban chuyên môn thuộc UBND cấp huyện, để đánh giá kết quả trên các lĩnh vực kinh tế, nông, lâm, ngư nghiệp, công nghiệp, thương mại-dịch vụ, văn hóa - xã hội, y tế, giáo dục, xây dựng chính quyền... Thông tư liên tịch giữa Bộ Nội vụ và Bộ, ngành chủ quản hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức các cơ quan chuyên môn giúp UBND quản lý nhà nước tại địa phương.

- Công tác nội bộ của cơ quan, đơn vị hoặc địa phương.

### **Chương II**

#### **NỘI DUNG, TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ**

##### **Điều 5. Tiêu chí đánh giá đối với Sở, ngành**

1. Thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; Kết quả tham mưu, thực hiện các đề án, kế hoạch, chương trình thuộc lĩnh vực, nhiệm vụ được giao hoặc địa phương quản lý theo chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh.

Tổng cộng 13 nội dung đánh giá, với 87 điểm. (trọng số 40/100).

2. Thực hiện nhiệm vụ theo Quy định tổ chức và hoạt động được UBND tỉnh ban hành; Thông tư liên tịch giữa Bộ Nội vụ và Bộ chuyên ngành (trọng số 50/100). Số lượng nội dung được căn cứ trên nhiệm vụ cụ thể, mỗi tiêu chí được chấm với mức 3 điểm.

3. Công tác nội bộ của cơ quan, đơn vị.

Tổng cộng 5 nội dung đánh giá, với 33 điểm. (trọng số 10/100).

*(Đính kèm biểu số 1)*

##### **Điều 6. Tiêu chí đánh giá đối với cấp huyện**

1. Thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, kết quả tham mưu đề án, kế hoạch giúp Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh, Huyện

ủy, HĐND huyện, UBND huyện thuộc lĩnh vực nhiệm vụ được giao hoặc địa phương quản lý;

Tổng cộng 7 nội dung đánh giá, với 34 điểm. (trọng số 25/100).

2. Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của UBND cấp huyện (trọng số 75/100).

Tổng cộng 18 nội dung, với 375 điểm.

**(Đính kèm biểu số 2)**

## **Điều 7. Phương thức đánh giá, phân loại**

### **1. Phương pháp đánh giá**

- Đối với các tiêu chí được đánh giá tối đa: 1 điểm

+ Không hoàn thành : 0 điểm

+ Hoàn thành : 1 điểm

- Đối với các tiêu chí được đánh giá tối đa: 3 điểm

+ Không hoàn thành : 0 điểm

+ Hoàn thành : 1 điểm

+ Hoàn thành tốt : 2 điểm

+ Hoàn thành xuất sắc : 3 điểm

2. Kết quả đánh giá thực hiện công vụ của địa phương được xác định theo thang điểm 100, từng tiêu chí được chấm và quy đổi theo trọng số, trên cơ sở đó xác định số điểm chung để có cơ sở so sánh với các đơn vị khác.

3. Căn cứ vào kết quả đánh giá và điểm hoàn thành nhiệm vụ quy định tại Điều 5, Điều 6 của quy định này, Thủ trưởng các Sở, ban ngành tự đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ trong năm như sau:

- Cơ quan, đơn vị hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: Đạt từ 90-100 điểm

- Cơ quan, đơn vị hoàn thành tốt nhiệm vụ: Đạt từ 75- <90 điểm

- Cơ quan, đơn vị hoàn thành nhiệm vụ: Đạt từ 50 - <75 điểm

- Cơ quan, đơn vị chưa hoàn thành nhiệm vụ: Có tổng < 50 điểm.

Ví dụ:

UBND huyện X, được đánh giá như sau:

- Mục I, đạt 28/34 điểm, quy đổi điểm theo trọng số 25%

Đạt  $(28:34) \times 25/100 = 20,62/100$  điểm

- Mục II, đạt từ 282/375 điểm, quy đổi theo trọng số 75%

Đạt  $(282:375) \times 75/100 = 56,4/100$  điểm

Tổng cộng, UBND huyện X đạt:  $20,62 + 56,4 = 77,02/100$  điểm.

=> Đó đó, UBND huyện X được xác định hoàn thành nhiệm vụ.

Tương tự đối với các Sở, ngành.

### **Chương III**

## **QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG VỤ**

### **Điều 8. Quy trình đối với các Sở, ngành**

Thủ trưởng các Sở, ngành tự chấm điểm theo các nội dung đánh giá hoàn thành nhiệm vụ, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ (cả đối với đơn vị trực thuộc) và chịu trách nhiệm nội dung đánh giá, chấm điểm gửi về Sở Nội vụ trước ngày 31/12 hàng năm.

Hồ sơ gồm:

- Báo cáo kết quả công tác năm (nêu rõ lý do những nội dung bị trừ điểm).
- Bảng tự chấm điểm của cơ quan, đơn vị theo mẫu.

Từ ngày 10/01 hàng năm, Sở Nội vụ chủ trì thực hiện các bước: Lấy ý kiến của Hội đồng thẩm định (Sở Nội vụ, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tư pháp, Sở Tài chính, Văn phòng UBND tỉnh) về nội dung tự đánh giá của Sở, ngành; trên cơ sở đó, tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, công nhận, đánh giá mức độ hoàn thành công vụ các đơn vị.

### **Điều 9. Quy trình đối với cấp huyện**

UBND cấp huyện tự chấm điểm theo các nội dung đánh giá hoàn thành nhiệm vụ, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ trên cơ sở kết quả công vụ của các phòng, ban chuyên môn, UBND cấp xã và chịu trách nhiệm nội dung đánh giá, chấm điểm gửi về Sở Nội vụ trước ngày 31/12 hàng năm.

Hồ sơ gồm:

- Báo cáo kết quả công tác năm (nêu rõ lý do những nội dung bị trừ điểm)
- Bảng tự chấm điểm của cơ quan, đơn vị theo mẫu.
- Kết quả phân loại đánh giá chính quyền cơ sở xã, phường, thị trấn.
- Kết quả đánh giá thực hiện công vụ của các phòng, ban chuyên môn.

Từ ngày 10/01 hàng năm, Sở Nội vụ chủ trì thực hiện các bước: Gửi lấy ý kiến của Hội đồng thẩm định (các Sở, ngành có liên quan) về nội dung tự đánh giá của cấp huyện; trên cơ sở đó, tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, công nhận, đánh giá mức độ hoàn thành công vụ UBND cấp huyện.

### **Điều 10. Thanh tra công vụ**

Căn cứ kết quả đánh giá mức độ thực hiện công vụ của các Sở, ngành và UBND cấp huyện, UBND tỉnh giao Sở Nội vụ thanh tra công vụ, xem xét kết quả đánh giá của

**Chương IV**  
**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 11. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị**

Thủ trưởng các Sở, ngành, các đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh và UBND cấp huyện căn cứ quy định này, soạn thảo tiêu chí công vụ đối với các đơn vị trực thuộc để đánh giá kết quả thực hiện công tác hằng năm trước khi đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu gặp khó khăn vướng mắc, đề nghị các đơn vị, địa phương phản ánh về UBND tỉnh (thông qua Sở Nội vụ) để xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**CHỦ TỊCH**



Võ Văn Một



**Biểu số 1**

**TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ CÔNG VỤ ĐỐI VỚI CẤP SỞ, NGÀNH**

(Kèm theo Quy định tiêu chí, quy trình đánh giá kết quả thực hiện công vụ hàng năm các sở, ngành và UBND cấp huyện được ban hành tại Quyết định số: 72 /2009/QĐ-UBND của Ủy ban nhân tỉnh)

**I- THỰC HIỆN CHỦ TRƯỞNG, ĐƯỜNG LỐI, CHÍNH SÁCH CỦA ĐẢNG, PHÁP LUẬT CỦA NHÀ NƯỚC, KẾT QUẢ THAM MƯU ĐỀ ÁN GIÚP TỈNH ỦY, HĐND, UBND TỈNH (40%)**

STT	Nội dung đánh giá	Tiêu chí	Điểm chuẩn	Điểm tự đánh giá	Điểm rà soát	Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú
<b>1</b>	<b>Triển khai, tuyên truyền</b>						
		Đầy đủ	1				
		Kịp thời	1				
		Đúng đối tượng	1				
<b>2</b>	<b>Xây dựng kế hoạch thực hiện</b>						
		Đúng mục đích, yêu cầu	1				
		Chất lượng	3				
		Thời gian	1				
<b>3</b>	<b>Thực hiện chủ trương</b>						
		Tiến độ	1				
		Chất lượng	1				
		Báo cáo kết quả theo tiến độ	1				
<b>4</b>	<b>Kết quả</b>						
		Rà soát, hệ thống hóa	1				
		Đề xuất, giải pháp, biện pháp	1				
		Chất lượng	3				
<b>5</b>	<b>Xây dựng đề án</b>						
		Chủ động	1				
		Phạm vi, đối tượng phù hợp, khả thi	1				
		Tiến độ	1				
		Chất lượng	3				
<b>6</b>	<b>Thực hiện đề án</b>						
		Tiến độ	1				
		Chất lượng	3				

		Rà soát, hệ thống hóa	1			
<b>7</b>	<b>Kết quả đề án</b>					
		Tiến độ	1			
		Báo cáo kết quả theo tiến độ	1			
		Theo dõi thực hiện	1			
		Chỉnh sửa, bổ sung kịp thời	1			
		Chất lượng	3			
<b>8</b>	<b>Chế độ thông tin, báo cáo</b>					
		Kịp thời	1			
		Chính xác	1			
		Chất lượng	3			
<b>9</b>	<b>Cơ chế phối hợp</b>					
		Phối hợp trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ	3			
		Chủ động phối hợp	3			
<b>10</b>	<b>Cải cách hành chính</b>					
		Rà soát, điều chỉnh, bãi bỏ thủ tục hành chính	3			
		Công khai thủ tục hành chính	3			
		Tiếp nhận, xử lý hồ sơ" một cửa" đúng quy trình, thủ tục	3			
		Hồ sơ được giải quyết đúng thời gian	3			
		Chủ động thực hiện cải cách hành chính	3			
<b>11</b>	<b>Tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo</b>					
		Tiếp dân định kỳ, đúng quy định	3			
		Giải quyết khiếu nại đúng thời gian, quy trình	3			
		Giải quyết tố cáo đúng thời gian, quy trình	3			
<b>12</b>	<b>Thanh tra</b>					
		Xây dựng Kế hoạch thanh tra	3			
		Thanh tra chuyên ngành	3			
		Thanh tra hành chính	3			
<b>13</b>	<b>Phòng, chống tham nhũng, Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí</b>					
		Xây dựng Kế hoạch thực hiện	3			
		Tổ chức thực hiện	3			
		Kết quả	3			
<b>Tổng cộng: 13 nội dung</b>			<b>87</b>			

**II- THỰC HIỆN CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ ĐƯỢC GIAO VÀ THEO THÔNG TƯ LIÊN TỊCH GIỮA BỘ NỘI VỤ VÀ BỘ CHUYÊN NGÀNH ( 50%)**

STT	Nội dung đánh giá	Tiêu chí	Điểm chuẩn	Điểm tự đánh giá	Điểm rà soát	Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú
1	<b>Nhiệm vụ 1</b>						
		Tiêu chí 1	3				
		Tiêu chí 2	3				
		Tiêu chí 3	3				
		.....					
2	<b>Nhiệm vụ 2</b>						
		Tiêu chí 1	3				
*		Tiêu chí 2	3				
3	<b>Nhiệm vụ .....</b>						
	.....						
	<b>Tổng cộng:</b>		...				

### III. CÔNG TÁC NỘI BỘ CỦA CƠ QUAN, ĐƠN VỊ (10%)

1	<b>Quy chế dân chủ cơ sở</b>						
		Quy định về thực hiện quy chế dân chủ cơ sở	3				
*		Kết quả thực hiện	3				
2	<b>Tuyển dụng, sử dụng quản lý CBCC</b>						
		Tuyển dụng cán bộ, công chức	3				
		Sử dụng và quản lý cán bộ, công chức	3				
		Thực hiện quy hoạch, đào tạo	3				
3	<b>Chế độ chi tiêu tài chính</b>						
		Sử dụng kinh phí đúng quy định	3				
*		Sử dụng tiết kiệm, tăng thu nhập	3				
4	<b>Thực hiện nội quy, quy chế</b>						
		Thực hiện nội quy cơ quan	3				
		Quy tắc ứng xử	3				
5	<b>Đoàn kết nội bộ</b>						
		Đoàn kết, thống nhất	3				
		Xây dựng cơ quan có đời sống văn hóa, quan tâm chăm lo các hoạt động công đoàn, đoàn thể	3				
	<b>Tổng cộng: 5 nội dung</b>		<b>33</b>				



Biểu số 2

TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ CÔNG VỤ ĐỐI VỚI UBND CẤP HUYỆN

(Kèm theo Quy định tiêu chí, quy trình đánh giá kết quả thực hiện công vụ hằng năm của các sở, ngành và UBND cấp huyện được ban hành tại Quyết định số 72/2009/QĐ-UBND của Ủy ban nhân tỉnh)

I- THỰC HIỆN CHỦ TRƯỞNG, ĐƯỜNG LỐI, CHÍNH SÁCH CỦA ĐẢNG,  
PHÁP LUẬT CỦA NHÀ NƯỚC, KẾT QUẢ THAM MƯU ĐỀ ÁN  
GIÚP TỈNH ỦY, HĐND, UBND TỈNH VÀ HUYỆN ỦY, HĐND HUYỆN (25%)

STT	Nội dung đánh giá	Tiêu chí	Điểm chuẩn	Điểm tự đánh giá	Điểm rà soát	Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú
1		<b>Tổ chức tuyên truyền</b>					
		Đầy đủ	1				
		Kịp thời	1				
2		<b>Xây dựng kế hoạch</b>					
		Đúng đối tượng	1				
		Đúng mục đích, yêu cầu	1				
3		<b>Thực hiện kế hoạch</b>					
		Chất lượng và hiệu quả	3				
		Đúng thời gian	1				
4		<b>Kết quả kế hoạch</b>					
		Đúng tiến độ	1				
		Chất lượng	1				
5		<b>Xây dựng đề án</b>					
		Báo cáo kết quả theo tiến độ	1				
		Rà soát, hệ thống hóa	1				
6		<b>Thực hiện đề án</b>					
		Đề xuất, giải pháp, biện pháp	1				
		Chất lượng	3				
7		<b>Xây dựng đề án</b>					
		Chủ động	1				
		Phạm vi, đối tượng phù hợp, khả thi	1				
8		<b>Thực hiện đề án</b>					
		Tiến độ	1				
		Chất lượng	3				
9		<b>Kết quả đề án</b>					
		Tiến độ	1				
		Rà soát, hệ thống hóa	1				
10		<b>Kết quả đề án</b>					
		Chất lượng	3				
		Theo dõi thực hiện	1				
11		<b>Kết quả đề án</b>					
		Chính sửa, bổ sung kịp thời	1				
		Chất lượng	3				
<b>Tổng điểm:</b>			<b>34</b>				

## II- THỰC HIỆN NHIỆM VỤ (75%)

STT	Nội dung đánh giá	Tiêu chí	Điểm chuẩn	Điểm tự đánh giá	Điểm rà soát	Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú
<b>1</b>	<b>Nội vụ</b>						
		Tổ chức, biên chế các cơ quan hành chính, sự nghiệp	3				
		Cải cách hành chính	3				
		Chính quyền địa phương	3				
		Địa giới hành chính	3				
		Cán bộ, công chức, viên chức nhà nước	3				
		Cán bộ, công chức cấp xã	3				
		Hội, tổ chức phi chính phủ	3				
		Văn thư, lưu trữ	3				
		Công tác tôn giáo	3				
		Công tác thi đua khen thưởng	3				
<b>2</b>	<b>Tư pháp</b>						
		Xây dựng, kiểm tra, xử lý văn bản QPPL	3				
		Phổ biến giáo dục pháp luật	3				
		Thi hành án dân sự	3				
		Chứng thực, hộ tịch	3				
		Trợ giúp pháp lý	3				
		Hòa giải cơ sở	3				
		Công tác tư pháp khác	3				
<b>3</b>	<b>Tài chính</b>						
		Lập dự toán ngân sách nhà nước	3				
		Dự toán thu, chi ngân sách	3				
		Phân bổ dự toán ngân sách	3				
		Quyết toán ngân sách	3				
		Thực hiện ngân sách cấp xã	3				
		Quản lý tài sản	3				
		Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	3				
<b>4</b>	<b>Kế hoạch</b>						
		Xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội	3				
		Phê chuẩn kế hoạch kinh tế xã hội của cấp xã	3				
		Đăng ký kinh doanh	3				
		Quản lý về kinh tế hợp tác xã, tập thể	3				
		Quản lý kinh tế tư nhân	3				

<b>5</b>	<b>Tài nguyên</b>					
		Giao đất, cho thuê đất	3			
		Thu hồi đất	3			
		Giải quyết tranh chấp đất đai	3			
		Thanh tra đất đai	3			
		hoạch sử dụng đất	3			
		Đo đạc bản đồ	3			
		Tài nguyên nước	3			
		Tài nguyên khoáng sản	3			
<b>6</b>	<b>Môi trường</b>					
		Bảo vệ môi trường	3			
		Khí tượng, thủy văn	3			
<b>7</b>	<b>Lao động</b>					
		Lao động, việc làm	3			
		Tiền lương, tiền công	3			
		Dạy nghề	3			
		Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp	3			
		An toàn lao động	3			
<b>8</b>	<b>Thương binh xã hội</b>					
		Người có công	3			
		Bảo trợ xã hội	3			
		Bảo vệ và chăm sóc trẻ em	3			
		Phòng chống tệ nạn xã hội	3			
		Bình đẳng giới	3			
<b>9</b>	<b>Văn hóa - Thông tin</b>					
		Văn hóa	3			
		Gia đình	3			
		Thể dục, thể thao	3			
		Du lịch	3			
		Bưu chính - Viễn thông - Internet	3			
		Công nghệ thông tin	3			
		Hạ tầng thông tin	3			
		Phát thanh - Báo chí - Xuất bản	3			
<b>10</b>	<b>Giáo dục - Đào tạo</b>					
		Mục tiêu, chương trình giáo dục, đào tạo	3			
		Nội dung giáo dục, đào tạo	3			
		Tiêu chuẩn nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục	3			
		Tiêu chuẩn cơ sở vật chất, thiết bị trường, đồ chơi trẻ em	3			
		Quy chế thi cử	3			

		Cấp văn bằng, chứng chỉ	3				
		Chất lượng giáo dục, đào tạo	3				
<b>11</b>	<b>Y tế</b>						
		Y tế cơ sở	3				
		Y tế dự phòng	3				
		Khám, chữa bệnh, phục hồi chức năng	3				
		Y dược cổ truyền	3				
		Thuốc phòng bệnh, chữa bệnh cho người	3				
		Mỹ phẩm	3				
		Vệ sinh an toàn thực phẩm	3				
		Bảo hiểm y tế	3				
		Trang thiết bị y tế	3				
		Dân số	3				
<b>12</b>	<b>Thanh tra</b>						
		Thanh tra kinh tế	3				
		Thanh tra xã hội	3				
		Giải quyết khiếu nại	3				
		Giải quyết tố cáo	3				
		Phòng, chống tham nhũng	3				
		Tiếp dân	3				
<b>13</b>	<b>Nông nghiệp PTNT</b>						
		Nông nghiệp	3				
		Lâm nghiệp	3				
		Thủy lợi	3				
		Thủy sản	3				
		Phòng, chống bão lụt	3				
		Phát triển nông thôn	3				
		Kinh tế hộ, kinh tế trang trại, kinh tế hợp tác xã gắn ngành nghề, làng	3				
<b>14</b>	<b>Công thương</b>						
		Công nghiệp	3				
		Tiểu thủ công nghiệp	3				
		Thương mại	3				
		Xây dựng	3				
		Phát triển đô thị	3				
		Kiến trúc	3				
		Quy hoạch xây dựng	3				
		Vật liệu xây dựng	3				
		Nhà ở - công sở	3				
		Hạ tầng kỹ thuật đô thị	3				
		Giao thông	3				

		Khoa học công nghệ	3				
<b>15</b>	<b>Quốc phòng</b>						
		Phong trào quần chúng tham gia xây dựng lực lượng vũ trang	3				
		Xây dựng khu vực phòng thủ	3				
		Xây dựng, huấn luyện lực lượng dân quân tự vệ	3				
		Quản lý lực lượng dự bị động viên	3				
		Đăng ký, khám tuyển, gọi nhập ngũ, giao quân (công tác tuyển quân)	3				
<b>16</b>	<b>An ninh</b>						
		Giữ gìn an ninh trật tự, an toàn xã hội tại địa phương	3				
		Xây dựng lực lượng	3				
		Phòng, chống tội phạm	3				
		Phòng, chống tệ nạn xã hội	3				
		Quản lý hộ khẩu, cư trú	3				
		Quản lý đi lại của người nước ngoài	3				
		An toàn giao thông	3				
		Vận động nhân dân tham gia bảo vệ an ninh, trật tự xã hội (an ninh tổ quốc)	3				
<b>17</b>	<b>Cải cách hành chính</b>						
		Rà soát, điều chỉnh, bãi bỏ thủ tục hành chính	3				
		Công khai thủ tục hành chính	3				
		Tiếp nhận, xử lý hồ sơ "một cửa" đúng quy trình, thủ tục	3				
		Hồ sơ được giải quyết đúng thời gian	3				
		Chủ động thực hiện cải cách hành chính	3				
<b>18</b>	<b>Công tác khác</b>						
		Công tác dân tộc	3				
		Thông tin, báo cáo	3				
		Công tác phối hợp	3				
		Quy chế dân chủ cơ sở	3				
		Thực hiện nội quy, quy chế cơ quan	3				
		Thực hiện quy tắc ứng xử cán bộ, công chức	3				

	Đảm bảo cơ sở vật chất, kỹ thuật hoạt động HEND-UBND	3				
	Nội bộ đoàn kết, thống nhất	3				
<b>Tổng điểm:</b>		<b>375</b>				